

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính

Quý IV năm tài chính 2014

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Quý IV Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

| TÀI SẢN | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 716.969.741.392 | 1.001.044.385.764 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 111.813.807.393 | 24.436.676.575 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 54.613.807.393 | 24.179.676.575 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 57.200.000.000 | 257.000.000 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.02 | 12.372.092.168 | 38.579.510.005 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 12.372.092.168 | 38.579.510.005 |
| 2. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn (*) | 129 | | 0 | 0 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 489.949.362.703 | 800.741.924.196 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 380.666.291.338 | 495.834.316.788 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 67.311.478.685 | 148.254.663.540 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | 0 | 0 |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xd | 134 | | 0 | 0 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.03 | 42.219.542.998 | 157.412.086.333 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 139 | | (247.950.318) | (759.142.465) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 55.219.853.353 | 116.720.126.563 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.04 | 55.219.853.353 | 116.720.126.563 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | | 0 | 0 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 47.614.625.775 | 20.566.148.425 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 0 | 0 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 21.390.765.860 | 5.162.693.215 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước | 154 | V.05 | 1.217.822.467 | 371.141.874 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 25.006.037.448 | 15.032.313.336 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | | 2.940.060.530.544 | 2.370.943.002.379 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 638.075.247.730 | 684.677.283.048 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | 0 | 0 |
| 2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 212 | | 0 | 0 |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | V.06 | 0 | 0 |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | V.07 | 638.075.247.730 | 684.677.283.048 |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 1.553.855.081.296 | 1.300.176.984.944 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.08 | 26.749.583.405 | 17.912.905.553 |
| - Nguyên giá | 222 | | 43.070.311.641 | 34.895.294.175 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | | (16.320.728.236) | (16.982.388.622) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.09 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 225 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | | 0 | 0 |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.10 | 96.790.975 | 122.575.421 |
| - Nguyên giá | 228 | | 656.459.888 | 750.596.888 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | | (559.668.913) | (628.021.467) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.11 | 1.527.008.706.916 | 1.282.141.503.970 |

| TÀI SẢN | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|-------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.12 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 241 | | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 242 | | 0 | 0 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.13 | 742.769.077.898 | 380.981.258.522 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | 639.445.715.898 | 356.486.724.238 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 20.769.700.000 | 19.450.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | 85.212.349.400 | 6.840.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*) | 259 | | (2.658.687.400) | (1.795.465.716) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 5.361.123.620 | 5.107.475.865 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.14 | 5.361.123.620 | 5.107.475.865 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.21 | 0 | 0 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 3.657.030.271.936 | 3.371.987.388.143 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 2.399.105.358.819 | 2.667.914.832.047 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 691.435.530.001 | 955.224.040.531 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.15 | 297.674.184.019 | 482.509.491.851 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 122.423.061.403 | 199.818.881.122 |
| 3. Người mua trả trước | 313 | | 132.806.188.684 | 87.623.905.695 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 314 | V.16 | 682.838.799 | 342.024.979 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 6.780.743.302 | 2.262.766.210 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.17 | 13.804.809.973 | 17.321.812.532 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | 0 | 0 |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | 0 | 0 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.18 | 115.506.314.712 | 162.729.874.483 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | 0 | 0 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | | 1.757.389.109 | 2.615.283.659 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 1.707.669.828.818 | 1.712.690.791.516 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | 0 | 0 |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | V.19 | 0 | 0 |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | 910.701.356.807 | 976.740.681.620 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.20 | 796.616.630.230 | 735.575.540.843 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | V.21 | 0 | 0 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 0 | 0 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | 0 | 0 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | 351.841.781 | 374.569.053 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | 0 | 0 |
| B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420) | 400 | | 1.257.924.913.117 | 704.072.556.096 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.22 | 1.257.924.913.117 | 704.072.556.096 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 946.474.910.000 | 646.474.910.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 3.734.064.565 | 5.154.600.587 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | 0 | 0 |
| 4. Cổ phiếu quỹ (*) | 414 | | 0 | 0 |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | 0 | 0 |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | 0 | 0 |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 33.186.408.842 | 31.186.408.842 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 11.702.809.063 | 11.202.809.063 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | 0 | 0 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04, nhà M5-số 91 Nguyễn Chí Thanh
 Phường Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội
 Điện thoại: 04 37738558 - Fax: 04 37738559

Báo cáo tài chính
Quý IV năm tài chính 2014

Mẫu số B 03a - DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

HUT - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT

Quý IV Năm 2014

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay) | Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước) |
|--|-------------|-------------|---|---|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 1.107.784.756.184 | 586.538.648.782 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | | (1.001.560.603.441) | (518.957.564.972) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (14.545.409.150) | (16.163.312.488) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | (44.815.471.259) | (33.368.961.397) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | (1.080.576.323) | (2.797.008.789) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | | 180.097.419.350 | 319.895.386.211 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (202.947.847.188) | (245.269.525.017) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 22.932.268.173 | 89.877.662.330 |
| II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác | 21 | | (169.758.556.156) | (251.447.988.162) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | | 220.454.545 | 0 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | (37.160.000.000) | (35.575.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác | 24 | | 62.000.000.000 | 1.135.292.948 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | 25 | | (364.020.049.400) | (144.650.000.000) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư vốn góp vào các đơn vị khác | 26 | | 1.850.000.000 | 0 |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 228.048.508.101 | 936.102.066 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (278.819.642.910) | (429.601.593.148) |
| III - Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | 200.000.000.000 | 0 |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | 0 | 0 |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 613.375.957.713 | 945.780.940.417 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (470.107.006.158) | (618.551.718.540) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | 0 | (298.563.900) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (4.446.000) | (8.096.850) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 343.264.505.555 | 326.922.561.127 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40) | 50 | | 87.377.130.818 | (12.801.369.691) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 24.436.676.575 | 37.238.046.266 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái | 61 | | | |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61) | 70 | | 111.813.807.393 | 24.436.676.575 |

Lập, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Người lập



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc



Tổng Giám đốc

Vũ Quang Lâm

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Tasco được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0703000015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 26 tháng 12 năm 2000, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 27 tháng 07 năm 2007. Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 12 ngày 28 tháng 07 năm 2014.

Vốn điều lệ của Công ty là 946.474.910.000 đồng.

Công ty được cấp giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/04/2008 do Giám đốc Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 04/04/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04 Tòa nhà M5 – Số 91 Nguyễn Chí Thanh – Phường Láng Hạ - Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội.

2- Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp, dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện);

- Chuẩn bị mặt bằng;

- Xây dựng nhà các loại;

- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cầu kiện bê tông đúc sẵn;

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, nhà hàng, ăn uống (Không bao gồm quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);

- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện, sản xuất điện;

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Dịch vụ thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh, khai thác công trình kết cấu hạ tầng.

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xây dựng các công trình hạ tầng cơ sở: Giao thông, thủy lợi, XD dân dụng, xây lắp điện, kinh doanh phát triển nhà ở, kinh doanh bất động sản, dịch vụ thu gom xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác... , các công trình này được đầu tư chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Khối lượng xây lắp hoàn thành sau khi giữ lại % bảo hành công trình được thanh toán theo kế hoạch vốn ngân sách hàng năm, dẫn đến các khoản phải thu từ khách hàng lớn. Khối lượng xây lắp hoàn thành khi quyết toán có thể bị cắt giảm làm xuất hiện các khoản giảm trừ doanh thu ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh.

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán Quý bắt đầu từ ngày 01 của tháng đầu quý kết thúc vào ngày cuối cùng của tháng cuối quý.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1- Chế độ kế toán áp dụng: Thực hiện theo Quyết định số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCOS có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập các báo cáo tài chính này, Ban lãnh đạo Công ty đã phải:

- Tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành; Bao gồm:

- 1- Chuẩn mực số 01 - Chuẩn mực chung;
- 2- Chuẩn mực số 02 - Hàng tồn kho;
- 3- Chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;
- 4- Chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;
- 5- Chuẩn mực số 06 - Thuê tài sản.
- 6- Chuẩn mực số 07 – Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

- 7- Chuẩn mực số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.
- 8- Chuẩn mực số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;
- 9- Chuẩn mực số 15 - Hợp đồng xây dựng;
- 10- Chuẩn mực số 16 - Chi phí đi vay;
- 11- Chuẩn mực số 17 - Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- 12- Chuẩn mực số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng;
- 13- Chuẩn mực số 21 - Trình bày báo cáo tài chính;
- 14- Chuẩn mực số 23 - Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- 15- Chuẩn mực số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- 16- Chuẩn mực số 25 - BCTC hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con;
- 17- Chuẩn mực số 26 - Thông tin về các bên liên quan.
- 18- Chuẩn mực số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- 19- Chuẩn mực số 29 - Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- 20- Chuẩn mực số 30 - Lãi trên cổ phiếu.

Hệ thống kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn thực hiện và chế độ kế toán hiện hành tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014.

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần TASCO xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập và trình bày các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ban lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu trữ và trình bày hợp lý, đầy đủ để có thể phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính này tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán chung được chấp nhận tại Việt Nam. Ban lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

IV- Các chính sách kế toán áp dụng

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

- Các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tiền tệ và công nợ phát sinh bằng đồng tiền khác với Đồng Việt Nam, nếu có, được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua hàng, chi phí sản xuất trực tiếp và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty phản ánh các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp cho các công trình xây dựng chưa hoàn thành tại thời điểm kết thúc các niên độ kế toán.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng giá thành phẩm của các công trình xây dựng được tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì vào cuối kỳ kế toán năm, được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ hữu hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế, Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó.

Các tài sản được ghi nhận là TSCĐ vô hình phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn (4) tiêu chuẩn ghi nhận sau:

1. Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do tài sản đó mang lại;
2. Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy;
3. Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm;
4. Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản. Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người đi thuê. Khoản công nợ phải trả cho bên cho thuê phát sinh được phản ánh trong số dư phải trả về thuê tài chính trên bảng cân đối kế toán.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính):

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ hữu hình được phân bổ một cách có hệ thống trong thời gian sử dụng hữu ích của chúng. Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp khấu hao đường thẳng. Số khấu hao của từng kỳ được hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chúng được tính vào giá trị của các tài sản khác, như: Khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho các hoạt động trong giai đoạn triển khai là một bộ phận chi phí cấu thành nguyên giá TSCĐ vô hình (theo quy định của chuẩn mực TSCĐ vô hình), hoặc chi phí khấu hao TSCĐ hữu hình dùng cho quá trình tự xây dựng hoặc tự chế các tài sản khác.

Giá trị phải khấu hao của TSCĐ vô hình được phân bổ một cách có hệ thống trong suốt thời gian sử dụng hữu ích ước tính hợp lý của nó. Phương pháp khấu hao áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Việc trích khấu hao được bắt đầu từ ngày đưa TSCĐ vô hình vào sử dụng.

Nguyên tắc và phương pháp khấu hao TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được phân bổ và hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê của tài sản. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê tài chính được ước tính phù hợp với thời gian sử dụng ước tính và thời gian thuê của tài sản cố định hữu hình.

4- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con là các khoản vốn góp chiếm tỷ lệ trên 50% trong tổng số vốn điều lệ của công ty con, Công ty mẹ có quyền chi phối về các chính sách tài chính, về các hoạt động của công ty con. Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Tasco được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của công ty mẹ, Các khoản lợi nhuận nhận được từ hoạt động của các công ty con sẽ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo riêng của công ty mẹ khi có thông báo của HĐQT các công ty con về việc phân chia lợi nhuận.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty đã góp vốn thành lập năm (05) công ty con, cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

Thông tin chi tiết về công ty con như sau:

| TT | Tên công ty | Trụ sở | Tỉ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%) | Tỉ lệ biểu quyết (%) | Lĩnh vực kinh doanh chính |
|----|-----------------------------------|------------|--------------------------------------|----------------------|---------------------------|
| 1. | Công ty Cổ phần Tasco Thành Công | Hà Nội | 51 | 51 | Khai thác VLXD |
| 2. | Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái | Thái Bình | 51 | 51 | Xây lắp |
| 3. | Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định | Nam Định | 100 | 100 | Xây lắp |
| 4. | Công ty TNHH MTV Tasco 6 | Nam Định | 100 | 100 | Dịch vụ |
| 5 | Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình | Quảng Bình | 100 | 100 | Xây lắp |

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được xác định theo giá gốc.

5- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: Chi phí đi vay phải ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực số 16. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Chi phí lãi vay phải trả đối với các dự án BT, BOT vốn hóa vào dự án trong thời gian xây dựng, khoản chi phí này tính trong phương án tài chính của dự án và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh toán theo quy định của hợp đồng. Chi phí lãi vay phải trả đối với các dự án BT và dự án BOT trong thời gian khai thác được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: Chi phí sửa chữa văn phòng, các chi phí phát sinh cho các công cụ dụng cụ được đưa vào sử dụng. Chi phí trả trước dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.

- Chi phí khác bao gồm: chi phí về thanh lý, nhượng bán tài sản phát sinh trong kỳ được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng tối đa không quá 03 năm.

7- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản chi phí phải trả bao gồm: Trích trước giá vốn dự án Vân Canh và các khoản chi phí khác. Việc trích trước các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để đảm bảo khi các khoản chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

- Một khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý, nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện xảy ra, sự giảm sút về lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại, tại ngày kết thúc năm tài chính.

9- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp cổ phần và được bổ sung từ chia cổ phiếu thưởng theo nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối được trình bày trên báo cáo tài chính là số lãi của doanh nghiệp bao gồm cả lãi từ đầu tư vào các công ty con sau khi đã trừ đi thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay.

10- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phần lớn các rủi ro và quyền lợi đã được chuyển cho người mua, Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, và đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của việc cung cấp dịch vụ tại ngày báo cáo. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận khi khả năng thu tiền, ước tính hợp lý các chi phí của việc bán hàng hay khả năng hàng bán bị trả lại là không chắc chắn.

- Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận bao gồm tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

- Doanh thu hợp đồng xây dựng được xác định khi khối lượng hoàn thành hợp đồng xây dựng được ước tính hợp lý. Việc xác định doanh thu của hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy doanh thu của hợp đồng xây dựng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ. Doanh thu và chi phí hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành hợp đồng. Tỷ lệ hoàn thành được xác định thông qua nghiệm thu khối lượng công việc đã thực hiện. Lỗ ước tính của hợp đồng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngay khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh một phần, phần còn lại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình có sử dụng vốn vay đó.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22%. Lợi nhuận chịu thuế được ước tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận cho mục đích tính thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về mức thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán:

Đơn vị tính: đồng

| 1 - Tiền và các khoản tương đương tiền | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|---|------------------------|------------------------|
| - Tiền mặt | 354.813.877 | 165.010.233 |
| - Tiền gửi ngân hàng | 53.269.734.516 | 22.043.211.342 |
| - Tiền đang chuyển | 989.259.000 | 1.971.455.000 |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.200.000.000 | 257.000.000 |
| Cộng | 111.813.807.393 | 24.436.676.575 |
| 2 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| - Đầu tư ngắn hạn khác | 12.372.092.168 | 38.579.510.005 |
| <i>Trong đó: Tiền gửi có kỳ hạn</i> | <i>12.372.092.168</i> | <i>37.129.510.005</i> |
| Cộng | 12.372.092.168 | 38.579.510.005 |
| 3 - Các khoản phải thu ngắn hạn khác | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| - Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia | 417.180.822 | 6.651.000.000 |
| - Phải thu khác | 41.802.362.176 | 150.761.086.333 |
| Cộng | 42.219.542.998 | 157.412.086.333 |
| 4 - Hàng tồn kho | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| - Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 55.219.853.353 | 116.720.126.563 |
| Cộng giá gốc hàng tồn kho | 55.219.853.353 | 116.720.126.563 |

Hàng tồn kho trong kỳ là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây lắp

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

| | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|---|--------------------------|--------------------------|
| 5 - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | | |
| - Thuế TNDN nộp thừa | 1.166.220.772 | 178.245.549 |
| - Thuế GTGT nộp thừa | 0 | 40.200.000 |
| - Các khoản khác phải thu Nhà nước | 51.601.695 | 152.696.325 |
| Cộng | 1.217.822.467 | 371.141.874 |
| 8 - Tăng giảm tài sản cố định hữu hình | | |
| (Phụ lục 01) | | |
| 10 Tăng giảm tài sản cố định vô hình | | |
| (Phụ lục 03) | | |
| 11 - Xây dựng cơ bản dở dang | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| - Dự án trụ sở Công ty, VP cho thuê Pháp Vân | 30.121.491.427 | 27.217.891.148 |
| - Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10 | 271.126.885.278 | 70.272.124.725 |
| - Dự án Đường Lê Đức Thọ | 383.915.437.985 | 366.796.568.718 |
| - Dự án rác thải | 1.876.488.843 | 1.876.488.843 |
| - Dự án thủy điện | 1.616.199.622 | 1.616.199.622 |
| - Dự án xây dựng nhà ở cho CB báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng | 10.162.871.531 | 9.105.623.434 |
| - Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương | 506.766.995.542 | 499.811.464.716 |
| - Dự án Khu đô thị mới Vân Canh - Hoài Đức | 270.427.354.098 | 280.468.532.569 |
| - Dự án 48 Trần Duy Hưng | 1.572.545.838 | 1.379.164.864 |
| - Dự án BT Sông Om | 1.615.217.617 | 1.615.217.617 |
| - Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc mới | 47.428.052.902 | 21.668.435.969 |
| - Dự án nhà cho CB CNV Bộ ngoại giao | 379.166.233 | 313.791.745 |
| Cộng | 1.527.008.706.916 | 1.282.141.503.970 |
| 13 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| - Đầu tư vào công ty con | 639.445.715.898 | 356.486.724.238 |
| - Đầu tư vào công ty liên kết | 20.769.700.000 | 19.450.000.000 |
| - Đầu tư dài hạn khác | 85.212.349.400 | 6.840.000.000 |
| - Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | (2.658.687.400) | (1.795.465.716) |
| Cộng | 742.769.077.898 | 380.981.258.522 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

| | Cuối kỳ | | Đầu năm | |
|--|-------------------|------------------------|-------------------|------------------------|
| | Số lượng | Giá trị | Số lượng | Giá trị |
| a) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con: | | | | |
| 1. Công ty TNHH MTV Tasco 6 | 5.000 | 50.000.000 | 5.000 | 50.000.000 |
| 2. Công ty CP Tasco Nam Thái | 15.418.582 | 154.185.820.000 | 8.732.582 | 87.325.820.000 |
| Công ty TNHH MTV Tasco 3. Quảng Bình | 18.149.188 | 181.491.876.715 | 2.458.589 | 24.585.886.936 |
| Công ty TNHH MTV Tasco Nam 4. Định | 30.065.802 | 300.658.019.183 | 24.252.502 | 242.525.017.302 |
| 5. Công ty CP Tasco Thành Công | 306.000 | 3.060.000.000 | 200.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 63.944.572 | 639.445.715.898 | 35.648.672 | 356.486.724.238 |
| b) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết | | | | |
| 1. Công ty CP Bất động sản Thái An | 1.696.970 | 16.969.700.000 | 1.385.000 | 13.850.000.000 |
| 2. Công ty CP Tasco Thăng Long | 180.000 | 1.800.000.000 | 180.000 | 1.800.000.000 |
| 3. Công ty CP ĐT và XD Trường Giang | | | 180.000 | 1.800.000.000 |
| 4. Công ty CP D - Tech | 200.000 | 2.000.000.000 | 200.000 | 2.000.000.000 |
| Cộng | 2.076.970 | 20.769.700.000 | 1.945.000 | 19.450.000.000 |
| c) Đầu tư dài hạn khác | | | | |
| - Đầu tư dài hạn khác | 4.911.949 | 85.212.349.400 | 684.000 | 6.840.000.000 |
| Cộng | 4.911.949 | 85.212.349.400 | 684.000 | 6.840.000.000 |

Số dư đầu tư dài hạn khác tại ngày 31/12/2014 của Công ty là giá trị đầu tư góp vốn vào một số công ty khác với tỷ lệ cổ phần sở hữu dưới 20% .

Trong năm, Công ty đã thực hiện đầu tư 3.838.949 cổ phần chiếm 12,8% vốn điều lệ của Tổng công ty xây dựng Thăng Long – CTCP tương ứng với giá trị đầu tư 79.082.349.400 đ.

| 14 - Chi phí trả trước dài hạn | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| - Chi phí trả trước dài hạn khác | 5.361.123.620 | 5.107.475.865 |
| Cộng | 5.361.123.620 | 5.107.475.865 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

| 15 - Vay và nợ ngắn hạn | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|--|------------------------|------------------------|
| - Vay ngắn hạn | 293.245.351.610 | 478.081.491.851 |
| + Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định | 196.669.001.083 | 293.011.173.591 |
| + Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội | 66.435.546.877 | 70.323.208.696 |
| + Ngân hàng TMCP Dầu khí - CN Thăng Long | 30.140.803.650 | 39.715.457.564 |
| + Ngân hàng TMCP Sài Gòn HN – CN Ba Đình | 0 | 35.000.000.000 |
| + Vay đối tượng khác | 0 | 40.031.652.000 |
| - Nợ dài hạn đến hạn trả | 4.428.832.409 | 4.428.000.000 |
| Cộng | 297.674.184.019 | 482.509.491.851 |

Trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn được đảm bảo bằng một phần tài sản và các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và các Chủ đầu tư.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/232424/HĐTĐ ngày 30/06/2014, mức dư nợ tối đa là 209.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ chín tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/HĐTĐ ngày 07/07/2014, mức dư nợ tối đa là 133.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

- Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí – Chi nhánh Thăng Long

Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0092/2014/HDTĐHM-GPBTLO ngày 08 tháng 07 năm 2014 của Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/lần được xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay.

| 16 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|---|--------------------|--------------------|
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 0 | 117.254.105 |
| - Thuế thu nhập cá nhân | 682.838.799 | 133.210.528 |
| - Các loại thuế khác | 0 | 91.560.346 |
| Cộng | 682.838.799 | 342.024.979 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

| 17 - Chi phí phải trả | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|--|------------------------|------------------------|
| - Trích trước giá vốn – Dự án Vân Canh | 12.955.820.330 | 4.575.019.151 |
| - Trích trước giá vốn – DA Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương | 406.697.661 | 406.697.661 |
| - Chi phí phải trả khác | 442.291.982 | 3.923.979.014 |
| Cộng | 13.804.809.973 | 17.321.812.532 |
| 18 - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| - Kinh phí công đoàn | 59.640.341 | 486.871.021 |
| - Bảo hiểm xã hội | 209.697.674 | 168.943.881 |
| - Bảo hiểm y tế | 36.293.887 | 33.376.491 |
| - Bảo hiểm thất nghiệp | 16.130.594 | 13.994.362 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 115.184.552.216 | 162.026.688.728 |
| Cộng | 115.506.314.712 | 162.729.874.483 |

Trong đó: Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác gồm các khoản phải trả đội thi công công trình và một số khoản khác.

| 20 - Vay và nợ dài hạn | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
|---|------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn | 796.616.630.230 | 735.575.540.843 |
| - Vay ngân hàng | 754.116.630.230 | 590.075.540.843 |
| + Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định | 24.560.000.000 | 26.930.000.000 |
| + Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội | 0 | 4.428.832.409 |
| + Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định | 567.281.476.000 | 390.805.154.204 |
| + Ngân hàng Phát triển VN - Sở GD 1 | 154.713.054.230 | 166.713.054.230 |
| + NH TMCP Dầu khí - CN Thăng Long | 0 | 401.000.000 |
| + NH TMCP SHB – CN Ba Đình | 1.162.100.000 | 797.500.000 |
| + NH TMCP Ngoại thương VN-CN Hoàng Mai | 6.400.000.000 | |
| - Vay đối tượng khác | 42.500.000.000 | 45.500.000.000 |
| - Trái phiếu phát hành | 0 | 100.000.000.000 |
| Cộng | 796.616.630.230 | 735.575.540.843 |

Hiện nay, Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. Nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng BOT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

Công ty đang thực hiện tổ chức thu phí đường bộ tại hai trạm thu phí Tân Đệ và trạm thu phí Mỹ Lộc để hoàn vốn cho hai dự án: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình (BOT10) và dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21).

- Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 10/2008/HĐTĐĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 02/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

+ Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐTĐĐT ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả VND và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời hạn trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900 – Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư – Tỉnh Thái Bình.

Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTĐĐT ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.

- Khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Sở GD I:

+ Theo hợp đồng 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐTĐĐT/NHPT.SGDI và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05.01/2013/HĐTĐBS-NHPT-SGDI ngày 30/1/2013, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2009, số tiền vay tạm tính 313.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Nguồn trả nợ dự án từ Doanh thu bán bất động sản dự án Khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

-Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

+ Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

22 - Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở

a. hữu

(Phụ lục 04)

| b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu: | Cuối kỳ | Đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| - Vốn góp của Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị - HUD | 54.293.760.000 | 54.293.760.000 |
| - Vốn góp của cổ đông khác | 892.181.150.000 | 592.181.150.000 |
| Cộng | 946.474.910.000 | 646.474.910.000 |
| c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia | Năm nay | Năm trước |
| - Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| + <i>Vốn góp tại ngày đầu kỳ</i> | 646.474.910.000 | 349.976.000.000 |
| + <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i> | 300.000.000.000 | 296.498.910.000 |
| + <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i> | 0 | 0 |
| + <i>Vốn góp tại ngày cuối kỳ</i> | 946.474.910.000 | 646.474.910.000 |
| - Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 0 | 69.994.710.000 |
| d. Cổ phiếu | Cuối kỳ | Đầu kỳ |
| - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | | |
| + <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 94.647.491 | 64.647.491 |
| * <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</i> | | |
| e. Các quỹ của doanh nghiệp | Cuối kỳ | Đầu năm |
| - Quỹ đầu tư phát triển | 33.186.408.842 | 31.186.408.842 |
| - Quỹ dự phòng tài chính | 11.702.809.063 | 11.202.809.063 |
| Cộng | 44.889.217.905 | 42.389.217.905 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh và được sử dụng cho mục đích đầu tư của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được hình thành từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh nhằm đề phòng những tổn thất, thiệt hại bất ngờ do những nguyên nhân khách quan, bất khả kháng mang lại và khi gặp rủi ro, thua lỗ trong kinh doanh đảm bảo cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

VI- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

| | | Đơn vị tính: đồng | |
|-------------|--|------------------------|------------------------|
| | Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | Quý IV- 2014 | Quý IV – 2013 |
| 25 - | | | |
| | - Doanh thu hợp đồng xây dựng | 375.410.563.027 | 284.415.722.315 |
| | - Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản | 2.155.670.814 | 6.064.909.902 |
| | Cộng | 377.566.233.841 | 290.480.632.217 |
| 26 - | Các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| | Trong đó: | | |
| | - Giảm giá hàng bán | 2.569.725.825 | 3.376.452.998 |
| | - Hàng bán bị trả lại | 498.913.446 | 2.508.899.017 |
| | Cộng | 3.068.639.271 | 5.885.352.015 |
| 27 - | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV | | |
| | - Doanh thu thuần | 374.497.594.570 | 284.595.280.202 |
| 28 - | Giá vốn hàng bán | Quý IV- 2014 | Quý IV – 2013 |
| | - Giá vốn hoạt động xây lắp | 373.126.469.846 | 272.888.325.201 |
| | - Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản | 1.399.909.423 | 3.779.670.103 |
| | Cộng | 374.526.379.269 | 276.667.995.304 |
| 29 - | Doanh thu hoạt động tài chính | Quý IV- 2014 | Quý IV – 2013 |
| | - Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 4.676.359.087 | 526.898.070 |
| | - Cổ tức lợi nhuận được chia | 244.483.378.201 | 6.111.000.000 |
| | Cộng | 249.159.737.288 | 6.637.898.070 |

Doanh thu hoạt động tài chính kỳ này chủ yếu là khoản cổ tức được chia từ các khoản đầu tư dài hạn vào các công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

| 30 - Chi phí tài chính | Quý IV- 2014 | Quý IV – 2013 |
|--|------------------------|----------------------|
| - Lãi tiền vay | 3.442.779.795 | 2.787.042.167 |
| - Chi phí tài chính khác | 863.221.684 | 891.849.920 |
| Cộng | 4.306.001.479 | 3.678.892.087 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| 31 - | Quý IV- 2014 | Quý IV – 2013 |
| - Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | (1.021.166.907) | (239.147.257) |
| Cộng | (1.021.166.907) | (239.147.257) |

VII- Những thông tin khác

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Những khoản nợ khó đòi, những khoản nợ không có khả năng thu hồi đã được Công ty phân loại tuổi nợ, phân tích, đánh giá và trích lập dự phòng.

3. Thông tin liên quan:

| Các giao dịch mua: | Quý IV- 2014 | Quý IV – 2013 |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái | (496.911.818) | 19.926.439.999 |
| Cộng | (496.911.818) | 19.926.439.999 |
| Các giao dịch bán: | Quý IV- 2014 | Quý IV – 2013 |
| Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình | | 81.818.182 |
| Công ty Cổ phần Tasco Thành Công | 45.000.000 | 30.000.000 |
| Cộng | 45.000.000 | 111.818.182 |
| Các khoản phải thu khách hàng: | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình | | 90.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tasco Thành Công | 49.500.000 | 33.000.000 |
| Cộng | 49.500.000 | 90.000.000 |
| Các khoản phải thu khác: | Cuối kỳ | Đầu năm |
| Công ty TNHH MTV Tasco 6 | 638.075.247.730 | 690.834.808.048 |
| Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái | | 2.555.729.078 |
| Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình | | 135.213.170.000 |
| Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định | 32.116.197.379 | |
| Công ty Cổ phần Tasco Thành Công | 417.180.822 | 57.000.000 |
| Cộng | 670.608.625.931 | 828.660.707.126 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

Phu lục 01: Tăng giảm TSCĐ hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------|-----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Nguyên giá TSCĐ hữu hình | 19.957.828.489 | 1.528.176.091 | 10.605.118.332 | 2.804.171.263 | 34.895.294.175 |
| Số dư tại ngày 01/01/2014 | 19.957.828.489 | 1.528.176.091 | 10.605.118.332 | 2.804.171.263 | 34.895.294.175 |
| Tăng trong kỳ | 0 | 0 | 10.973.109.091 | 838.433.560 | 11.811.542.651 |
| Mua trong kỳ | | | 10.973.109.091 | 838.433.560 | 11 811 542 651 |
| Mua lại TSCĐ thuê tài chính | | | | | |
| Giảm trong kỳ | 0 | 0 | 3.636.525.185 | 0 | 3.636.525.185 |
| Giảm thanh lý, nhượng bán | | | 3 636 525 185 | | 3 636 525 185 |
| Giảm khác | | | | | |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | 19.957.828.489 | 1.528.176.091 | 17.941.702.238 | 3.642.604.823 | 43.070.311.641 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2014 | 6.518.724.823 | 1.215.046.200 | 6.698.609.586 | 2.550.008.013 | 16.982.388.622 |
| Tăng trong kỳ | 679.052.232 | 91.836.587 | 1.576.221.026 | 307.319.410 | 2.654.429.255 |
| Khấu hao trong kỳ | 679.052.232 | 91.836.587 | 1.576.221.026 | 307.319.410 | 2.654.429.255 |
| Tăng khác | | | | | 0 |
| Giảm trong kỳ | 0 | 0 | 3.316.089.641 | 0 | 3.316.089.641 |
| Giảm thanh lý, nhượng bán | | | 3.316.089.641 | | 3.316.089.641 |
| Giảm khác | | | | | 0 |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | 7.197.777.055 | 1.306.882.787 | 4.958.740.971 | 2.857.327.423 | 16.320.728.236 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 13.439.103.666 | 313.129.891 | 3.906.508.746 | 254.163.250 | 17.912.905.553 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 12.760.051.434 | 221.293.304 | 12.982.961.267 | 785.277.400 | 26.749.583.405 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

Phụ lục 03: Tăng giảm TSCĐ vô hình

| Khoản mục | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy vi tính | Tổng cộng |
|-------------------------------|-------------------|----------------------|-------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Nguyên giá TSCĐ vô hình | 102.878.251 | 647.718.637 | 750.596.888 |
| Số dư tại ngày 01/01/2014 | 102 878 251 | 647 718 637 | 750.596.888 |
| Tăng trong kỳ | | 33.000.000 | 33.000.000 |
| Mua trong kỳ | | 33 000 000 | 33.000.000 |
| Giảm trong kỳ | 0 | 127.137.000 | 127.137.000 |
| Giảm khác | | 127.137.000 | 127.137.000 |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | 102.878.251 | 553.581.637 | 656.459.888 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Số dư tại ngày 01/01/2014 | 30 064 944 | 597 956 523 | 628.021.467 |
| Tăng trong kỳ | 4.304.232 | 43.885.470 | 48.189.702 |
| Khấu hao kỳ | 4 304 232 | 43 885 470 | 48.189.702 |
| Giảm trong kỳ | 0 | 116.542.256 | 116.542.256 |
| Giảm khác | | 116.542.256 | 116.542.256 |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | 34.369.176 | 525.299.737 | 559.668.913 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2014 | 72.813.307 | 49.762.114 | 122.575.421 |
| Tại ngày 31/12/2014 | 68.509.075 | 28.281.900 | 96.790.975 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Địa chỉ: Tầng 04 – Tòa nhà M5 – 91 Nguyễn Chí Thanh - Phường Láng Hạ – Quận Đống Đa – TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2014

Phụ lục 04: Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

| Khoản mục | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Tổng cộng |
|----------------------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|--------------------------|
| Số dư tại ngày 01/01/2013 | 349.976.000.000 | 72.222.032.987 | 30.289.648.858 | 9.445.185.906 | 75.222.570.041 | 537.155.437.792 |
| Tăng trong năm | 296.498.910.000 | 0 | 896.759.984 | 1.757.623.157 | 10.023.803.704 | 309.177.096.845 |
| Tăng vốn | 296.498.910.000 | | 896.759.984 | 1.757.623.157 | | 299.153.293.141 |
| Lãi | | | | | 10.023.803.704 | 10.023.803.704 |
| Giảm trong năm | | 67.067.432.400 | | | 75.192.546.141 | 142.259.978.541 |
| Phân phối lợi nhuận | | | | | 75.192.546.141 | 75.192.546.141 |
| Giảm khác | | 67.067.432.400 | | | | 67.067.432.400 |
| Số dư tại ngày 31/12/2013 | 646.474.910.000 | 5.154.600.587 | 31.186.408.842 | 11.202.809.063 | 10.053.827.604 | 704.072.556.096 |
| Số dư tại ngày 01/01/2014 | 646.474.910.000 | 5.154.600.587 | 31.186.408.842 | 11.202.809.063 | 10.053.827.604 | 704.072.556.096 |
| Tăng trong năm | 300.000.000.000 | 0 | 2.000.000.000 | 500.000.000 | 255.772.893.043 | 558.272.893.043 |
| Tăng vốn | 300.000.000.000 | | | | | 300.000.000.000 |
| Lãi | | | | | 255.772.893.043 | 255.772.893.043 |
| Phân phối lợi nhuận | | | 2.000.000.000 | 500.000.000 | | 2.500.000.000 |
| Tăng khác | | | | | | 0 |
| Giảm trong năm | | 1.420.536.022 | 0 | 0 | 3.000.000.000 | 4.420.536.022 |
| Phân phối lợi nhuận | | | | | 3.000.000.000 | 3.000.000.000 |
| Giảm khác | | 1.420.536.022 | | | | 1.420.536.022 |
| Số dư tại ngày 31/12/2014 | 946.474.910.000 | 3.734.064.565 | 33.186.408.842 | 11.702.809.063 | 262.826.720.647 | 1.257.924.913.117 |